TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **25**/2018/DS-PT
Ngày 10- 4-2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản bị chiếm giữ và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trọng Tiến**
Các Thẩm phán: Ông **Ngô Đình Bảy**
Ông **Đinh Văn Long**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thị Bích Cẩm -** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam***: Bà **Nguyễn Thị Hồng Liên -** Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp đòi lại tài sản bị chiếm giữ và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2018/QĐPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Phạm Duy K, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Quang T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 03, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Doãn Xuất C; Luật sư Văn phòng luật sư Doãn Xuất C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: Số 190, đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 03, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

4. *Người làm chứng*:

4.1. Ông Trần Xuân T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 02, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

4.2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 02, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

5. *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Trần Quang T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Phạm Duy K trình bày:

Ngày 12/7/2017, tôi và ông Trần Quang T có thỏa thuận mua bán rừng keo của ông T tại Thôn 05, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam với giá 97.000.000 đồng. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không viết giấy tờ. Trong quá trình khai thác, nhận thấy tôi mua rừng keo có lãi cao nên ngày 21/7/2017, ông T xin tôi cùng làm chung nhưng tôi không đồng ý nên hai bên có xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù tôi đã giao đủ số tiền mua bán rừng keo theo thỏa thuận là 97.000.000 đồng nhưng đến ngày 31/7/2017 ông T cùng em vợ của ông T là ông Trần Văn H và vợ ông là bà Trần Thị L chặn xe chở keo của tôi, yêu cầu tôi ký vào giấy mua bán rừng keo với giá là 107.000.000 đồng; đồng thời yêu cầu tôi giao chiếc xe môtô biển kiểm soát 92D1-49750 mà tôi đang sử dụng để bảo đảm cho việc tôi trả thêm 10.000.000 đồng.

Sau khi bị ông T giữ xe, tôi báo cáo với Công an huyện H giải quyết nhưng Công an huyện H cho rằng chưa đủ cơ sở để khởi tố vụ án hình sự. Do vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại cho tôi chiếc xe môtô biển kiểm soát 92D1-49750.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T, tôi không chấp nhận với lý do: Việc tôi ký vào giấy mua bán rừng keo do vợ chồng ông T lập trong rừng ngày 31/7/2017 là bị ép buộc. Ông T đi cùng vợ và em vợ mang theo rựa trong khi tôi chỉ một mình. Đồng thời, số keo còn lại mà tôi đã mua của ông T còn khoảng 50-70 tấn đã khai thác nhưng chưa chở, nếu tôi không chấp nhận theo yêu cầu của ông T thì ông T sẽ chặn xe chở keo, gây thiệt hại cho tôi. Số tiền thiệt hại theo tôi tạm tính khoảng hơn 80 triệu đồng.

Tại đơn phản tố và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Trần Quang T trình bày:

Vào khoảng ngày 05/7/2017, tôi dẫn ông K đi xem rừng keo tại Thôn 05, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Sau khi xem xong, hai bên thỏa thuận mua bán với giá là 107.000.000 đồng. Tôi đã nhận 12.000.000 đồng của ông K và yêu cầu ông K viết giấy mua bán thì ông K nói không cần, khi nào đưa đủ tiền, khai thác thì viết sau cũng được.

Khoảng 10 ngày sau, ông K đưa người vào khai thác rừng keo, được khoảng 200 tấn nhưng ông K không thông báo cho tôi biết. Nghĩ bị lừa nên tôi có gặp ông K để yêu cầu trả tiền nhưng ông K đưa từng đợt và yêu cầu vợ chồng tôi xuống nhà lấy nhiều lần.

Ông K đưa tiền lần cuối cho tôi là 20.000.000 đồng và tổng số tiền tôi đã nhận của ông K là 97.000.000 đồng, còn thiếu 10.000.000 đồng. Do vậy, ngày 31/7/2017 vợ chồng tôi cùng với em vợ là Trần Văn H đã chặn xe vận chuyển keo của ông K. Tại đây, các bên đã viết giấy mua bán rừng keo với giá 107.000.000 đồng, ông K đã giao chiếc xe môtô biển kiểm soát 92D1-49750 cho tôi để làm tin trả số tiền 10.000.000 đồng. Đến nay, ông K vẫn chưa trả cho tôi số tiền 10.000.000 đồng nên tôi không chấp nhận trả chiếc xe môtô cho ông K. Tôi có đơn phản tố, yêu cầu Tòa án

buộc ông K trả cho tôi số tiền còn thiếu trong hợp đồng mua bán keo là 10.000.000 đồng.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Tôi thống nhất với trình bày của chồng tôi - ông Trần Quang T về nội dung sự việc tranh chấp giữa chồng tôi và ông Phạm Duy K, về ý kiến của chồng tôi đối với yêu cầu khởi kiện của ông K cũng như yêu cầu phản tố của chồng tôi; tôi không có ý kiến thêm.

Với nội dung như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã căn cứ Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 127, Điều 131, Điều 164, Điều 166, Điều 430 của Bộ luật dân sự; Điều 73 Luật thi hành án dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy K về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản bị chiếm giữ.

Giao chiếc xe môtô biển kiểm soát 92D1-49750, nhãn hiệu SIRIUS cho ông Phạm Duy K được quản lý, sử dụng. Hiện tại chiếc xe này đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Quang T về việc yêu cầu ông Phạm Duy K trả số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* trong hợp đồng mua bán keo.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam cho đến khi có quyết định hủy bỏ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/01/2018 bị đơn ông Trần Quang T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông K trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* trong hợp đồng mua bán keo và trả cho ông số tiền 1.500.000 đồng *(Một triệu, năm trăm nghìn đồng)* phát sinh từ việc ông K khởi kiện ông (tiền công chi phí đi đến Tòa án để làm việc).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – luật sư Doãn Xuất C trình bày luận cứ: Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy K và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Quang T là không công bằng và không phù hợp với quy định của pháp luật; bởi lẽ, ông T và ông K tại phiên tòa phúc thẩm đều thừa nhận hai ông có thỏa thuận miệng mua bán keo với nhau; giá thỏa thuận theo ông T trình bày là 107.000.000 đồng và ông K trình bày là 97.000.000 đồng. Trong quá trình khai thác keo, ông K đưa dần cho ông T với tổng số tiền là 97.000.000 đồng, còn thiếu 10.000.000 đồng. Việc ông T chặn xe ông K vào ngày 31/7/2017 là để lấy số tiền 10.000.000 đồng mà ông K còn thiếu. Ông T không có hành vi hăm dọa, cưỡng bức ông K mà hai bên hoàn toàn tự nguyện trao đổi với nhau để thanh toán xong số tiền còn thiếu, như thanh lý hợp đồng miệng. Tuy nhiên, do không có tiền trả nên ông K đã tự nguyện để lại chiếc xe

môtô biển kiểm soát 92D1-49750 cho ông K giữ. Ông K trình bày do ông T đe dọa, cưỡng bức nên ông lo sợ thiệt hại về tinh thần lẫn vật chất nhưng theo mô tả của ông T tại Tòa án cũng như của tôi nêu trên thì rõ ràng ông T không có lỗi, nếu ông T có lỗi thì ông T đã phạm tội cưỡng đoạt tài sản. Công an huyện H cũng xác định ông T không có lỗi, hai bên hoàn toàn tự nguyện; lái xe chở keo cho ông K - ông Trần Xuân T có lời trình bày lưu tại hồ sơ vụ án là trước khi để xe lại cho ông T thì ông K có lại hỏi ông có nên để xe lại hay không. Như vậy, không có việc ông T cưỡng bức, ép buộc ông K mà hai bên hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận với nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K trình bày là có biết giá ông T đã mua rừng keo là 97.000.000 đồng; nếu ông T bán lại cho ông K với giá 97.000.000 đồng thì không hợp lý vì không có lời. Tại đoạn ghi âm, ông T có nói là ông K đã đưa ông 77.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng nữa mới đủ tiền vốn; vốn ở đây được hiểu là 97.000.000 đồng. Do đó, tôi đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không thay đổi, bổ sung, rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Quang T thì thấy:

Ông K và ông T đều thừa nhận, vào khoảng đầu tháng 7/2017 ông K có thỏa thuận mua rừng keo của Thắng; việc mua bán được hai bên thỏa thuận miệng, không có lập hợp đồng mua bán. Sau đó, do không thống nhất về giá mua bán đã thỏa thuận nên hai ông xảy ra tranh chấp. Ông K xác định, giá mua bán rừng keo mà ông thỏa thuận với ông T vào ngày 12/7/2017 là 97.000.000 đồng và ông đã trả đủ tiền. Tại cấp sơ thẩm, ông K có cung cấp 01 đĩa ghi âm nội dung hội thoại giữa ông và ông T vào ngày 21/7/2017. Theo đó, nội dung ghi âm thể hiện lời ông T nói*: "...Vốn mi đưa tau rồi được chưa?. Tau trị giá, chừ chừng nớ, chín bảy đúng không, mi đưa bảy bảy, còn hai chục vốn nữa chứ chi có, đúng không?...".* Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông T thừa nhận đĩa ghi âm do ông K cung cấp đúng là giọng nói của ông, nội dung hội thoại không thêm bớt, cắt xét. Tuy nhiên, ông T lại cho rằng giá 97.000.000 đồng mà ông nêu tại nội dung đĩa ghi âm là giá gốc; còn giá ông thỏa thuận bán rừng keo cho ông K là 107.000.000 đồng và mức giá thỏa thuận này sau đó cũng đã được thể hiện tại nội dung giấy mua bán lập ngày 31/7/2017, có chữ ký của ông và ông K. Hội đồng xét xử xét thấy chứng cứ chứng minh trên của ông T không có cơ sở; bởi lẽ, nếu ban đầu giữa ông và ông K có thỏa thuận mua bán rừng keo với giá 107.000.000

đồng thì đến ngày 21/7/2017 vấn đề ông T đề cập phải là ông K còn nợ ông 30.000.000 đồng, không phải xác định ông K còn thiếu 20.000.000 đồng và sẽ không có việc thuyết phục ông K được chung khai thác keo để chia lợi nhuận. Hơn nữa, đối với giấy mua bán rừng keo lập ngày 31/7/2017 mà ông T làm căn cứ để chứng minh thì lại không được ông K thừa nhận. Ông K cho rằng việc ông ký giấy mua bán ngày 31/7/2017 là bị ép buộc. Hội đồng xét xử xét thấy, giấy mua bán này được lập sau khi ông T có hành động ngăn cản xe vận chuyển keo của ông K. Xét ông T tuy không dùng bạo lực hay hung khí uy hiếp ông K nhưng việc ông T cùng vợ và ông Trần Văn H (em vợ) chặn xe ông K trong rừng đã cho thấy ông T đã gây áp lực tâm lý, uy hiếp tinh thần của ông K, làm cho ông K lo sợ nguy cơ bị thiệt hại về sức khỏe và thiệt hại về tài sản do tại thời điểm đó số keo ông K đã khai thác chưa chở còn lại trong rừng khoảng 50-70 tấn với giá trị khoảng 80.000.000 đồng nên ông K buộc phải ký vào văn bản do ông T lập và để lại chiếc xe môtô biển kiểm soát 92D1-49750 cho ông T giữ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá mua bán rừng keo giữa ông Phạm Duy K và ông Trần Quang T là theo thỏa thuận miệng vào khoảng đầu tháng 7/2017 với giá 97.000.000 đồng và không chấp nhận Giấy mua bán rừng keo với giá 107.000.000 đồng lập ngày 31/7/2017; đồng thời, quyết định không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T là có căn cứ, đúng pháp luật; luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm không có cơ sở nên không chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T yêu cầu ông K thực hiện việc mua bán rừng keo theo giá 107.000.000 đồng nhưng ngoài những chứng cứ đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm thì ông T không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh cho việc kháng cáo của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông; thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông T về việc buộc ông K trả cho ông số tiền 1.500.000 đồng *(Một triệu, năm trăm nghìn đồng)* phát sinh từ việc ông K khởi kiện ông (tiền công chi phí đi đến Tòa án để làm việc): Xét, việc ông T đến Tòa án làm việc là quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hơn nữa, tại cấp sơ thẩm ông cũng không yêu cầu Tòa án xem xét chi phí này. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Quang T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ Điều 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 127, Điều 131, Điều 164, Điều 166, Điều 430 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 73 của Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy K về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản bị chiếm giữ.

Giao trả chiếc xe môtô biển kiểm soát 92D1-49750, nhãn hiệu SIRIUS cho ông Phạm Duy K quản lý, sử dụng. Hiện chiếc xe này đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Quang T về việc yêu cầu ông Phạm Duy K trả số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* mua keo.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam cho đến khi có quyết định hủy bỏ.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 800.000 đồng *(Tám trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0012795 ngày 13/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam. Ông T còn phải nộp số tiền còn thiếu là 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)*.

Hoàn trả cho ông Phạm Duy K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 405.000 đồng *(Bốn trăm lẻ năm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0012784 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quang T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0012834 ngày 02/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam.

5. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Trần Quang T phải trả cho Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam chi phí áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với số tiền là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án đến khi người phải thi hành án thi hành án xong, hằng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10/4/2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Trọng Tiến